

CỔ VĂN VIỆT NAM

VÔ DANH THỊ

BÍCH-CÂU

KỶ NGỘ

Thi-Nham ĐÌNH GIA THUYẾT
ĐÍNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH



CỔ VĂN VIỆT NAM
VÔ DANH THỊ

BÍCH-CÂU KỲ NGÔ

Thi-Nham ĐÌNH GIA THUYẾT
ĐÌNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH

CÙNG BẠN ĐỌC

Viết mấy giòng này, chúng tôi không có ý để tựa hay phê-bình nhân-vật, văn-chương Bích-câu kỳ ngộ. Chỉ là trình-bày về công-việc : đính-chính và chú-thích cổ văn Việt-nam.

Khác với truyện Phan Trần, đính-chính truyện Bích-câu lần này, chúng tôi căn-cứ vào bản truyện nôm (1) một phần lớn. Vì đã nhận thấy truyện quốc-ngữ do mấy nhà xuất bản gần đây, phần nhiều lười sự xét-đoán trong khi phiên-âm, cứ chữ tác 作 đánh chữ lộ (祿) chữ ngộ 遇 đánh chữ quá (過) âm đã dịch sai, nghĩa tất phải lạc, thành ra có

(1) Cám-on ông Vũ Duy Thanh đã tìm cho quyền « Bích-câu kỳ ngộ nôm ». Tiếc rằng sách đã nhàu nát, ngay tờ nhan sách rách gần hết, chỉ còn nhận được mấy chữ « ... Văn đường tàng bản ... 文堂藏板 » không rõ của nhà nào và đã in từ bao giờ. Trong sách cũng đã rách mất nhiều tờ và nhiều chữ đã bặt, nhận-xét mãi mới ra. Cũng vì thế công-việc đính-chính chưa được đầy đủ, xin độc-giả lượng-xét.

những câu hỏi nghĩa, thậm chí vô nghĩa nữa. Đại-khái như :

Cơ (機) duyên dịch là lầu (樓) duyên (câu thứ 3)

Tiền sen (蓮) dịch là tiền lên (蓮) (câu 30),

Ao tù (囚) dịch là ao nhân (囚) (câu 50),

Non ngọc (玉) dịch là non vương (玉) (câu 152)

Đỉnh (頂) ninh dịch là hạ (下) ninh (câu 208) v.v.

Với những câu như thế, lẽ dĩ-nhiên phải đính chính theo nguyên-văn — nguyên âm. — Tuy-trung cũng có câu mà có bản chép khác bản chữ nôm — khác hẳn cả câu — như câu 497 và 499 chẳng hạn. Gặp trường-hợp này, chúng tôi cũng phụ-chú cả câu cho thêm rộng sự quan-sát. Còn về phần chú thích, cũng như truyện Phan Trần, chúng tôi vẫn theo đuổi mục đích: tích nào khảo-cứu chưa được xác-đáng, xin trân-trọng hạ dấu hỏi để khuyến nghị.

Viết tại Hà-nội sau ngày kỷ-niệm

đức Hùng-Vương quốc-tô

năm nhâm-thìn — 1952

Thi-Nham

TOÁT-YẾU

« Bích-câu ký ngộ » 碧溪奇遇 là một truyện Việt-nam, một truyện trong 6 truyện ngắn trong bộ « Tục truyện ký » 續傳奇 hay là « Truyền ký tân-phả » 傳奇新譜 chép bằng chữ Hán của bà Đoàn thị Diễm. Còn truyện diễn-ca thì chưa rõ ai là tác-giả. Truyện này kể một sự-tích ở nước ta, việc một người học-trò tên là Trần Tú Uyên gặp một nàng tiên ở đất Bích-câu, bởi thế mới đặt tên truyện là « Bích-câu ký ngộ » (sự gặp-gỡ lạ-lùng ở Bích-câu).

Bích-câu (nghĩa là ngôi biếc), trước thuộc làng Yên-trạch tổng Yên-hòa, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội. Khi Hà-nội làm thành-phố thì Bích-câu ở lọt vào phố Cát-linh có đền Tú Uyên, bên cạnh nhà Văn-miếu (xin xem chú-thích cảnh Bích-câu ở sau) là cái di-tích của câu chuyện hoang-đường này.

Truyện diễn-ca gồm có 648 câu, có thể tóm tắt chia làm 6 hồi như sau :

I.— CHƠI CHÙA NGỌC-HỒ TÚ UYÊN GẶP TIÊN-NỮ

Trần Tú Uyên 陳秀淵 là một công-tử, sau khi cha mẹ mất, cảnh nhà sa-sút, tính chăm học, thường đi du-ngoạn các nơi danh thắng, ngâm-ngã đề vịnh, nổi tiếng thi-hào. Thấy Bích-câu phong-cảnh hữu tình, bèn dựng lều tranh làm nơi đọc sách. Một hôm đi xem hội làm chay ở chùa Ngọc-Hồ 玉湖 (tức chùa bà Ngô ở phố Sinh-tử Hà-nội) tình-cờ nhất được tấm khăn điều đề một bài thơ có ý treu-gheo. Tú Uyên chưa kịp họa lại, thì chợt thấy một thiếu-nữ có mấy ả-hoàn đi sau thoảng qua ngoài cửa tam-quan. Chàng rảo theo đến gốc cây đa. Đương khi trao đổi câu chuyện, thiếu-nữ đã biến đi đâu mất. Chàng theo mãi đến Quảng-văn-đình 廣文亭 (nay là chợ Cửa Nam Hà-nội) mới chịu về.

II.— TƯƠNG-NHỚ TIÊN-NỮ, TÚ UYÊN ỚM TƯƠNG-TU

Sau khi trở về, Tú Uyên tương-nhớ tiên-nữ phát bệnh tương-tư. Bạn học là Hà-sinh đến thăm, hỏi rõ chân tình, liền nhắc lại câu chuyện Lê Thánh-tông gặp tiên đề khuyên-giải bạn không nên tin-tưởng hão. Tú Uyên bán tin bán nghi, đến đền Bạch-Mã 白馬 (nay ở phố Hàng Buồm) xin bói thẻ ; về nằm mộng thấy thần bảo : sáng mai ra Cầu-đông (nay ở phố Hàng Đường) sẽ gặp nhân-duyên.

III.— TỔ NỮ TRONG TRANH HIỆN THÀNH NGƯỜI

Ra Cầu-đông đợi suốt một ngày, đến chiều mới thấy một người bán một bức tranh vẽ một tổ-nữ xinh-đẹp tuyệt trần, Tú Uyên nhận ra, gống hệt như thiếu-nữ đã gặp, liền mua về treo ở thư-phòng. Rồi cứ mỗi bữa ăn, lại dọn hai cái bát, hai

đôi đũa, mời tổ-nữ cùng ăn. Thỉnh-thoảng lại chuyện-trò, đối-đãi như người thực. Một hôm Tú Uyên ở trường học về, thấy mâm cơm đã dọn sẵn. Hôm sau chàng giả cách ra đi, nhưng lén về đứng rình một chỗ. Quả thấy tổ nữ trong tranh hiện ra người thực, đương khi trang điểm thì chàng lén vào chào.

IV.— TÚ UYÊN CÙNG GIÁNG KIỀU KẾT DUYÊN

Tổ-nữ xưng tên là Giáng Kiều, tiên-nữ ở cung tiên, có tiền duyên với Tú Uyên, nay xuống cùng chàng kết nghĩa. Rồi nàng dùng phép tiên biến-hóa ra lời-đôi, nhà-cửa, mời các bạn tiên xuống ăn-cưới.

V.— TÚ UYÊN MÈ RƯỢU ĐÁNH VỢ GIÁNG KIỀU BỎ ĐI

Chung sống với nhau được 3 năm, Tú Uyên quen tính chè rượu say-sưa, Giáng Kiều can không nghe, còn bị đánh-đập là khác. Nàng buồn-bực bỏ đi. Khi tỉnh ra tìm vợ không thấy, Tú Uyên hối-bận toan tự-ái, Giáng Kiều ở đâu lại hiện về.

VI.— VỢ CHỒNG ĐOÀN-TỰ RỜI CÙNG LÊN TIÊN

Sau khi đoàn-tự, sinh được một trai là Chân Nhi 珍兒. Rồi Giáng Kiều khuyên Tú Uyên học phép tu tiên. Bỗng một hôm, hai con học đến trước sân, đón hai ông bà bay về phương tây, sau khi đã dặn-dò Chân Nhi ở lại cội trăn, thi thư nổi nghiệp.

6 hồi trên đây, có thể chia ra làm 29 đoạn :

- 1.— Mở đầu
- 2.— Cảnh Bích-câu
- 3.— Trần công-tử Tú Uyên
- 4.— Nỗi buồn của Tú Uyên sau khi cha mẹ mất
- 5.— Tú Uyên nổi tiếng thi hào

6. — Tú Uyên đi xem hội chùa
7. — Tú Uyên gặp mỹ-nhân
8. — Tú Uyên đối-thoại với mỹ-nhân dưới cây đa.
9. — Sự nghi-hoặc của Tú Uyên sau khi mỹ-nhân biến đi
10. — Tú Uyên trở về mang bệnh tương-tư
11. — Hà-sinh đến thăm bạn, Tú Uyên kể rõ sự-tình
12. — Hà-sinh nhắc lại truyện Lê Thành-tông gặp tiên.
13. — Hà-sinh khuyên bạn không nên mơ-tưởng hão
14. — Tú Uyên xem bói thẻ và năm mộng.
15. — Gặp người bán tranh, Tú Uyên mua vẽ treo.
16. — Tú Uyên với bức tranh lỗ-nữ.
17. — Tổ-nữ trong tranh hiện thành người thực.
18. — Tú Uyên cùng Giáng Kiều chuyện-trò.
19. — Giáng Kiều dùng phép tiên biến-hóa
20. — Tú Uyên cùng Giáng Kiều kết duyên
21. — Tú Uyên say-sưa rượu chè, Giáng Kiều can không được.
22. — Giáng Kiều bị ngược-đãi, giận bực bỏ đi
23. — Sau khi tỉnh ra, Tú Uyên hối-hận
24. — Hà-sinh khuyên-giải Tú Uyên
25. — Tú Uyên toan tự-ái, Giáng Kiều bỗng hiện về.
26. — Sau khi tái-hợp, vợ chồng Tú Uyên sinh Chân Nhi.
27. — Giáng Kiều khuyên Tú Uyên tòng tiên.
28. — Giáng Kiều thuyết về tiên đạo, Tú Uyên khinh-ngộ dần.
29. — Sau khi trao nhận tiên-phù, hai người cùng cười hạc lên tiên.

BÍCH-CÂU KỲ NGỘ

MỞ ĐẦU

- 1.— Mấy trăm năm một chữ tình,
 Dưới trời ai kẻ lọt vành hóa-nhi. (1)
 Cơ-duyên (2) ngấm lại mà suy,
 Trời Nam nào có xa gì cõi Tây. (3)
 Tuồng duyên kỳ-ngộ (4) xưa nay,

(1) *Hóa* : Tạo-hóa, trời. *Nhi* : Trẻ con. Trời óai-oăm như trẻ con, nên gọi là hóa-nhi 化兒, cũng như trời khéo léo như tay thợ nên gọi là hóa-công 化工.

(2) *Cơ duyên* 機緣 : nhân-duyên khéo khuôn-xếp như có then máy. Có bản chép là lầu duyên. Vì trong bản Nôm, chữ cơ 機 có thể nhận lầm ra chữ lầu 樓 là lầu, nhưng lầu duyên là vô nghĩa ; cũng có bản chép : « Có duyên ngấm lại suy đi ».

(4) *Trời Nam* bởi chữ Nam thiên 南天, cõi *Tây* bởi chữ tây-phương cực-lạc thế-giới 西方極樂世界, ý nói nước ta với cõi Phật chẳng xa-xôi gì.

(4) *Kỳ-ngộ* 奇遇 : Gặp-gỡ lạ-lùng.

Trước kia Lưu, Nguyễn (1) sau này Bùi,
Trương. (2)

Kia ai mê giấc dài Dương, (3)

Mây-mưa là truyện hoang-đường (4) biết đâu ?

CẢNH BÍCH - CÂU

Thành tân có cảnh Bích-câu, (5)

10.— Cỏ hoa gộp lại một bầu xinh sao !

(1) *Lưu* : Lưu Thần 劉晨 ; *Nguyễn* : Nguyễn Triệu 阮肇 người đời Hán bên Tàu, trong ngày tiết đoan-ngọ vào núi Thiên-thai hái thuốc, gặp tiên-nữ kết duyên, nửa năm trở về, đã có cháu đời thứ bảy.

(2) *Bùi* : Bùi Hàng 裴航 người đời Đường bên Tàu, thi hồng đi chơi phiếm, gặp tiên-nữ bảo là có duyên với Vân Anh. Sau Bùi qua Lam-kiều, quả-nhiên gặp Vân Anh cưới làm vợ, rồi cùng lên cõi tiên. (Xem chú-thích kỹ ở số 3, 4 trang 33 truyện Phan Trần nhà Tản Việt xuất bản). Còn *Trương* chưa rõ *Trương* nào ?

(3) *Đài Dương* có lẽ là Dương-đài 陽臺, một quả núi ở phía nam huyện Hán-xuyên 漢川, tỉnh Hồ-bắc 湖北 bên Tàu. Vì ở phương nam là hình núi như cái đài (đền) nên gọi Dương-đài. Sở Tương-vương 楚襄王 nằm mộng gặp người con-gái tự-xưng là thần-nữ, sớm làm mây chiều làm mưa ở Dương-đài. Thơ của Trần Đoàn 陳搏 có câu : Xử-sĩ bất tri vụ giáp mộng, không giao thần-nữ há Dương-đài 處士不知巫峽夢, 空教神女下陽臺 tức là tích chuyện này.

(4) *Hoang-đường* 荒唐 : Viễn-vong, không đâu.

(5) *Bích-câu* 碧溝 (nghĩa là ngòi biếc) : tên một phường của thành Thăng-long, sau thuộc làng Yên-trạch,

(Xem tiếp chú-thích trang 17)

Đưa chen thu cúc, xuân đào,
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông. (1)
Xanh xanh dấy liễu, ngán thông,
Cỏ lan lối mực, (2) rêu phong dấu liễu. (3)
Một vùng non nước quỳnh-giao, (4)
Phất-phơ gió trúc, dặt-dìu mưa hoa.

TRẦN CÔNG-TỬ TÚ UYÊN

Triều Lê đương hội thái-hòa, (5)
Có Trần công-tử (6) tên là Tú Uyên.

huyện Thọ-xương tỉnh Hà-nội. Khi Hà-nội làm thành-phố thì Bích-câu đã lọt vào phố Cát-linli, có đền Tú Uyên và hồ Tú Uyên. Sau cuộc binh-lửa năm 1946, đền đã bị phá, chỉ còn trơ có bức tường. Nay Hà-nội đã hẳn một phố mang tên là phố Bích-câu tức là phố Graffeuil trước.

(1) Hai câu này tả cảnh hoa-quả đủ bốn mùa : thu cúc 秋菊, xuân đào 春桃, hạ lựu 夏榴, đông mai 冬梅.

(2) Mực là mực-đồng 牧童 : kẻ chăn trâu.

(3) Tiều là tiều-phu 樵夫 : người hái củi.

(4) Quỳnh, giao 瓊瑤 : Hai thứ ngọc quý, người ta quen dùng chữ ấy để ví với thứ gì quý giá. Non nước quỳnh giao cũng như nói non sông gấm-vóc. Có bản chép « non nước diu-hiu ».

(5) Thái-hòa 泰和 : thịnh-vượng yên-lành, lúc thịnh-trị.

(6) Công-tử 公子 : Con nhà quan. Tú Uyên 秀淵 là con quan họ Trần.

Phúc lành nhờ ẩm xuân-huyền, (1)
20 — So trong tài-mạo kiếm tuyền-kém ai.
Thông-minh sẵn có tư trời,
Còn khi đồng-ấu (2) mãi vui cửa Trình. (3)
Trải xem phong-cảnh hữu tình,
Lâm-loãn (4) pha lẫn thị-thành (5) mà ưa.
Liền khu trùm một lầu thơ, (6)
Lau già chẵn vách, trúc thừa giủ rèm.
Thừa hư đàn suối cá chim, (7)

(1) Xuân 椿 (cũng đọc là thung) : một loài cây, quen dùng vì với cha, huyền 萱 một loài cỏ quen dùng vì với mẹ. — (Xem chú-thích kỹ số 1 trang 96 truyện Phan Trần do nhà Tân Việt xuất-bản).

(2) Đồng-ấu 童幼 : Lúc trẻ nhỏ.

(3) Cửa Trình : bởi chữ Trình-môn 程門 cửa họ Trình. Trình Gi 程頤 hiệu là Y-xuyên 伊川, một bậc danh-nho đời Tống bên Tàu, học-trò là Giu Thù 游酢 và Dương Thi 楊時 mới đến học, thấy Trình lim-dìm mắt ngồi im, hai người cứ đứng chờ không dám động. Khi Trình biết đến, thì ngoài cửa tuyết dày đến 3 thước. Nhân tích ấy người ta dùng chữ Trình-môn lập tuyết 程門立雪 để ví người học-trò theo thầy chăm học. Ta có câu « cửa Khổng sân Trình, thì sân Trình cũng do tích này.

(5) Lâm-loãn (hay tuyền) 泉林 : rừng, suối, nói về cảnh đường rừng.

(5) Thị-thành 市城 : chợ và thành, nói về cảnh phồn-hoa đô-hội.

(6) Lầu thơ : bởi chữ thư lâu 書樓, nhà đọc sách.

(7) Thừa hư 乘虛 : nhân lúc rỗi ; đàn suối : tiếng suối nghe như tiếng đàn. Cá chim : tiếng chim hót như điệu ca. Có bản chép : Phách suối ca chim.

- Nửa song đèn sách, bốn thêm gió trăng.
Cửa chung huy-hoác (1) đầu bằng,
30 — Chứa kho vàng cục, chất từng tiền sen. (2)
Khấp so trong cối ba nghìn, (3)
Yên-hà (4) riêng nửa, lâm-tuyền chia đôi.
Thú vui bốn bạn thêm vui, (5)
Khấp trong bể thánh, đủ ngoài rừng tao. (6)

NƠI BUỒN CỦA TÚ UYÊN
SAU KHI CHA MẸ MẤT

- Thoi đưa ngày tháng sương sao, (7)
Ngó vừa rụng lá lại đào nầy hoa.
Trờ hôm giục bóng dàu tà, (8)

(1) *Huy-hoác* : phung-phí. Có bản chép : lưu-loát.

(2) *Hoà cục* có hàng kho như kho vàng, *hoa sen* có từng đồng như đồng tiền, ý nói có nhiều hoa đẹp.

(3) *Trong cối ba nghìn* bởi chữ tam thiên thế-giới 三千世界, tiếng nhà Phật.

(4) *Yên-hà* 煙霞 : Khói và rặng, nói về cảnh mây rặng, trên tầng không.

(5) Câu này có bản chép : « ... buồn-bán thêm vui » có bản chép : « ... bè bạn thêm vui », có bản chép : « ... bốn bạn thêm vui », có lẽ câu thứ 3 đúng hơn : *bốn bạn* bởi chữ văn-phòng tứ hữu 文房四友 chẳng ? Xin kinh chất cùng thức-giã.

(6) *Bể thánh* : cũng như bể học, nơi chứa-đựng lý-thuyết của thánh hiền ; *rừng tao* : chỗ tụ-tập các lao-nhân mặc khách 騷人墨客 (làng văn).

(7) *Sương sao* 星霜 : Ý nói năm tháng thay-đổi.

(8) *Bóng dàu* : bởi chữ tang du mộ cảnh 桑榆景暮 (Xem chú-thích kỹ ở số 1 trang 16 truyện Phan Trần nhà Tân Việt xuất-bản.)

Xuân già e tuyết, huyền già ngại sương. (1)

Não người thay ! nổi tang-thương, (2)

40 — Trông vùng mây trắng (3) ngắt đường non
xanh.

Vai còn đôi gánh thâm tình (4),

Bầu Nhan (5) đã sạch-sành-saub còn gì !

Mấy phen hạ tới thu về,

Lọt mảnh nắng rõ, quanh hè tuyết xây.

Chiều trời lạnh ngắt hơi may,

Mai tang trước gió liễu gầy sau sương !

Lơ-thơ nửa mái thảo-đường (6),

Phên thêm lọt gió, vôi tường thấm mưa !

Phong-quang lạ khác dấu xưa,

50 — Ao tù (7) sen rũ, rào thưa, cúc cần.

(1) *Cha mẹ mất.*

(2) *Tang* : tang điền 桑田 (ruộng dâu), *thương* : thương hải 滄海 (bể cả) do chữ thương hải biến tang điền 滄海變桑田 (bể cả hóa ruộng dâu), ý nói cuộc đời thay đổi.

(3) *Mây trắng* : bởi chữ bạch vân 白雲 do tích Định Nhân Kiệt dời nhà Đường bên Tàu, đi làm quan xa quê nhà, trông thấy đám mây trắng trên núi Thái-hàng 太行, than rằng « nhà bố mẹ ta ở nơi đó ». Câu này nói tưởng-nhớ cha mẹ.

(4) *Thâm tình* : bởi câu phụ tử tình thâm 父子情深 tình cha con sâu-xa, thâm-thía.

(5) *Bầu Nhan* : ông Nhan Uyên 顏淵 (học-trò giỏi của đức Khổng-tử) nhà nghèo, nhưng vẫn vui với giỏ cơm bầu nước. Chữ « bầu Nhan » đây là nói cảnh nghèo.

(6) *Thảo đường* 草堂 : nhà tranh.

(7) *Ao tù* : ao nước tù hãm. Có bản chép « ao nhân » thì vô nghĩa. Phải chăng bản gỗ chữ tù 囹 trông giống chữ nhân 囹 người ta dịch âm sai.

TÚ UYÊN NÔI
TIẾNG THI-HÀO

Sinh (1) từ gắp bước gian-truân,
Vinh khô (2) gọi nếm mùi trần chút chơi.
Cùng thông (3) dù mặc có trời,
Ngươi dần bề khổ, san với mạch sầu.
Lời thôi cơm giỏ nước bầu, (4)
Những loài yếu-tước biết đâu chi hồng. (5)
Thề xưa đã nặng với lòng.
Dầu sau trắng nợ tang-bồng (6) mới thôi.
Ao nghiên giả bút thanh-thời.
60. — Tây-hồ tiên-tích (7) mấy nơi phẩm-bình. (8)

(1) Sinh 生 : Tiếng gọi những hạng người văn-học
Sinh đây chỉ vào Tú Uyên, Trần-sinh.

(2) Vinh 榮 : tươi ; khô 枯 : héo, ý nói người có lúc
sung-sướng lúc khô-sơ, cũng như cây có lúc tươi lúc héo.

(3) Cùng 窮 : cùng kiệt, quẩn bách ; thông 通 thông
đồng, hanh thần.

(4) Cơm giỏ nước bầu : bởi chữ đan tự biểu âm 單食
標飲, cảnh nghèo của ông Nhan Uyên (đã chú-thích số 4 ở
trên).

(5) Câu này-bởi chữ « yếu-tước an tri hồng học chi »
燕雀安知鴻鵠志, loài di-sẻ biết sao được chí-khi của
loài chim hồng, chim học (chim lớn).

(6) Tang-bồng : Bởi chữ tang bồng hồ thi 桑弧蓬矢
cung gỗ dâu, tên cỏ bồng. (Xem chú-thích kỹ nơi số 5 trang
16 truyện Phan Trần do nhà Tân Việt xuất-bản).

(7) Tây hồ 西湖, tiên tích 仙跡 : Vết tiên ở hồ Tây.

(8) Phẩm-bình 品評 : Chung Vinh 鍾嶸 đời Nam-bắc-
triều Bền Tàu, soạn 3 quyển thơ, liệt các bài ngũ-ngôn từ
(Xem tiếp chú-thích trang 18)

- Thi-hào dậy (1) tiếng Phụng-thành, (2)
Vào phen Lý, Đỗ, nước danh Tô, Tào. (3)
Ngựa-nghiêng lưng túi phong-tao, (4)
Nước, non, mây, gió, chắt vào còn vơi.
Châu ken chữ, gấm thêu lời, (5)

đời Hán đời Ngụy 103 nhà, theo sự phê-bình hơn kém mà chia ra làm ba phẩm : thượng, trung, hạ. Sau người ta quen dùng hai chữ « phẩm-bình » để nói chuyện thơ. Cuối phẩm-bình trong câu này cũng chỉ là nói về ngâm vịnh.

Thi-hào 詩豪 : Hào-trưởng, trong làng thơ. Đàn anh trong làng thơ.

(2) Cao Biền đời Đường, một nhà giỏi địa-lý bên Tàu, xem đất Hồ Tây Hà-nội, cho là kiểu đất « phụng-hoàng uống nước » 鳳凰飲水格. Bởi thế nên người ta gọi Hà-nội là Phụng-thành 鳳城 ; cũng có bản chép là Long-thành. Vì Hà-nội đời Bắc-thuộc gọi là Long-biên 龍編, cũng gọi là Long-dộ 龍肚, đến đời Lý đóng đô thì gọi là Thăng-long 昇龍, cái tên Long-thành do đấy mà ra.

(3) Lý : Lý Bạch, Đỗ : Đỗ Phủ 李白杜甫 đều người đời Đường, Tào : Tào Thục 曹植 người đời Tam-quốc là những nhà hay thơ (thi-bá) bên Tàu. Còn Tô : tức Tô đồng Pha. Có bản chép Tôn, Tào, Tôn, phải chăng Tôn-Sước 孫綽, người đời Tấn, có bài phú Thiên-thai, quán quân các văn-sĩ tài-hóa lúc bấy giờ nhưng chưa dám chắc ; xin thức giả chỉ giáo.

(4) Phong : Phong-nhã 風雅, tao : ly-tao 離騷 là những tiếng dùng để chỉ về sự văn-học.

(5) Châu ken chữ : do câu « thi thành châu ngọc tại huy hào » 詩成珠玉在揮毫 (xem chú-thích kỹ tại số 6 trang

(Xem tiếp chú-thích trang 19)

Vàng gieo tiếng đất, hạc khơi bóng thuyền.
Đã người trong sách là duyên, (1)
Mấy thu hạt ngọc Lam-diền (2) chưa gấm.
Lững-lờ chiếc lá doanh nhâm,
70. — Cầm thuyền đợi khách, ôm cầm chờ trăng.

TÚ UYÊN ĐI
XEM HỘI CHÙA

Ngọc-hồ có đám chay lững, (3)
Nức-nỏ cảnh Phật, tung-bừng hội xuân.
Dập-diu tài-tử giai-nhân (4)
Ngồn-ngang mã-lịch xa-trần (5) thiếu ai.
Thưởng xuân (6) sinh cũng dạo chơi,
Thơ lưng-lưng tài, rượu vui-vui bầu.

24 truyện Phan Trần — nhà Tân Việt xuất-bản) Gấm thêm lời do chữ « cầm tâm tú khẩu » 錦心繡口 nói thơ hay lời đẹp như gấm-vóc. Cả hai câu này đại-ý cũng như câu « lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêm » của truyện Kiều.

(1) Câu này do câu chữ nhỏ « thú thê mạc hận vô lương mối, thư trung hữu nữ nhan như ngọc » 娶妻莫恨無良媒書中有女顏如玉, (lấy vợ đừng sợ không mối tốt, trong sách có gái đẹp như ngọc).

(2) Lam-diền 藍田 : (Xem chú-thích kỹ tại số 3, 4 trang 33 truyện Phan Trần nhà Tân Việt xuất-bản).

(3) Ngọc-hồ 玉壺 : tức chùa Bà Ngô ở phố Sinh-tử Hà nội bây giờ. Chay lững 齋儺 : Đám chay của các nhà sư

(4) Có bản chép : đầy thềm tài-tử giai-nhân, nhưng Bích-câu có trước truyện Kiều, tưởng nên để dập-diu hay hơn.

Mã-lịch xa-trần 馬跡車塵 : Vết ngựa, bụi xe.

Thưởng xuân 賞春 : Vui dạo cảnh xuân.

Mảng xem cây phạm (1) thú mầu,
Vàng kim-ô đã gác đầu non tê: (2)
Tiệc thối ai nấy cùng về,
80.— Gió chiều lay bóng hươu lê-la-đá.
Bên cầu đàn lũ năm ba,
Thần-tiên trước mắt ai là kẻ hay !
Sinh vừa tựa liễu nương cây,
Lá hồng (3) đầu đã thối bay lại gần.
Mắt coi mới tỏ dần dần,
Mấy giòong chữ viết ba văn bốn câu. (4)
Trông qua lặng ngắt giờ lâu,
Ấy ai thả lá doanh Cầu ghẹo người.
Vừa toan họa lại mấy lời,
90.— Gió hương đầu đã bay hơi nồng-nàn.

(1) Phạm 梵 : Cây phượng nhà chùa.

(2) Kim-ô 金烏 : Quạ vàng, trở mặt trời. Non tê : bởi chữ tê-sơn 西山, chữ tê ta quen đọc là tây, nhưng chính là tê mới đúng văn chữ Hán.

(3) Lá hồng : tức chiếc lá có đề bài thơ.

(4) Ba văn bốn câu : Một bài thơ tứ tuyệt 四絕.

(5) Thả lá doanh Cầu : Bởi tích Vũ Hựu đời Đường, nhặt được chiếc lá đỏ trong ngự cầu 御溝 (ngôi nhà vua) trôi ra, có đề bài thơ rằng : « lưu thủy hà thái cấp, thâm cung tận nhật nhân, ân cần tạ hồng diệp, hảo khứ đào nhân gian 流水何太急,深宮盡日間,慇懃謝紅葉,好去到人間. Nghĩa là nước chảy sao vội quá, trong cung sâu rồi suốt ngày, ân cần từ-giã chiếc lá đỏ, hãy đi tới nhân-gian cho tốt. Vũ Hựu cũng đề một bài thơ vào chiếc lá khác thả trên giòng nước cho trôi vào cung. Cung-nữ là Hán Thúc-Tần nhặt được cất đi. Mười năm sau nhà vua có dịp

(Xem tiếp chú-thích trang 21)

T U U Y Ê N
GẶP MỸ-NHÂN

- Thấy người trước cửa tam-quan, (1)
Theo sau ba bảy con hoàn (2) nhớn-nhờ.
La-lùng con mắt người thơ, (3)
Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương.
Rành rành xuyên ngọc thoa vàng,
Quần Nghê tha-thướt, sóng Tương rướm-rà. (4)

thải cung-nữ, tình-cờ Vu Hựu 于祐 cùng Hàn Thúy-Tần 韓翠蘋 kết duyên với nhau, cùng đem chiếc lá đỏ có đề thơ khi trước ra coi, té ra chiếc lá đề thơ là người mới. Thúy-Tần có thơ rằng: Nhất liên thi cú tùy lưu thủy, thập tải ưu-tư mẫn tổ-hoài, kim nhật đồ thành loan-phượng hữu, phương tri hồng yếm 是良媒. Nghĩa là một tập câu thơ theo nước chảy, nổi nổi thâm chứa-chất trong lòng trong mười năm, ngày nay đều thành hạn loan phượng, mới biết lá đỏ là người mới tốt.

(1) Tam-quan 三關 : ba cửa, cửa chùa.

(2) Con hoàn : bởi chữ liễu-hoàn 了鬟, con-ở gái, thị-nữ, nữ-tỳ.

(3) người thơ : bởi chữ thi-nhân 詩人, người văn thơ, thi-sĩ, văn-sĩ.

(4) Quần Nghê : bởi chữ Nghê-thường 霓裳, thứ xiêm của nàng tiên. (Xem chú-thích ở tích nghệ-thường vũ-y bên dưới). Sóng Tương : sông nước sông Tương 湘江, tục truyền hai bà Nga-Hoàng 娥皇, Nữ Anh 女英 vợ vua Thuấn, khóc chồng ở bên bờ sông Tương, vẩy nước mắt vào cây trúc, đọng thành giọt óng-ánh như ngọc. Giọt rơi xuống nước thành những đám thủy-ba.

Mĩa chiều nét ngọc làn hoa,

Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời. (1)

Gần xem vẻ mặt thêm tươi,

100.— Mùi hương thoang-thoảng thơm rơi ít nhiều.

Làn thu (2) lỏng-lánh đưa theo,

Não người nhận chút lông nheo cũng tình. (3)

Vốn mang cái bệnh Trương-sinh, (4)

Gặp người nghiêng nước nghiêng thành (5)
biết sao ?

Đưa tình một nét sóng đào, (6)

Dấu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người.

(1) Cá chìm nhận sa : bởi chữ ngư trầm nhận lạc 沉魚落, nói bóng vẻ sắc đẹp.

(2) Làn thu : bởi chữ thu-thủy 秋水 nói bóng con mắt sắc và sáng như nước mùa thu.

(3) Tây Thi 西施, con gái nhà bán củ xóm tây thôn Trữ-la nước Việt, người đời Xuân-thu, có nhan-sắc tuyệt trần, mỗi khi bị đau nhãn mắt ôm bụng lại càng đẹp. Câu này nói mỗi cái nhãn lông mày (đuôi nheo) của người đẹp, cũng đủ làm cho tình-tử não-nùng. Có bản chép : Khuôn người gọi chút bấy nhiêu cũng tình.

(4) Trương-sinh có lẽ là Trương Quân-Thụy 張君瑞 dan-dieu với Thôi Oanh-Oanh 崔鶯鶯 trong Mái Tây (Tây-sương-ký 西廂記). Đây nói bóng về kẻ si-tình.

(5) Câu này do câu chữ « nhất tiếu khuynh nhân thành, tái tiếu khuynh nhân quốc » 一笑傾人城, 再笑傾人國, một cười làm nghiêng thành, hai cười làm nghiêng nước. Nói bóng về sức mạnh của sắc đẹp, chỉ một vài cái cười cũng đủ nghiêng đổ thành-quách quốc-gia của người ta.

(6) Câu này do chữ thu ba lộng tình 秋波送情.

Nhân-duyên ví chẳng tự trời,
Từ-lang (1) chưa dễ lạc với non tiên.

TÚ UYÊN ĐỐI-THOẠI VỚI
MỸ-NHÂN DƯỚI CÂY ĐU

- Dù mặt lạ, đã lòng quen,
110.— Cầm liều đến gốc thu-thiên (2) ướp nàng :
« Quá vui nên trót số-sàng,
« Thử tình cho, kéo bề-bàng với hoa ».
Khách (3) rằng : « Trong hội Vô-già, : (4)
« Cửa không, (5) ngàn giác (6) đây là từ-bi. (7)

(1) Từ-lang 徐郎 tức Từ Thúc 徐式, người Tống-sơn (Thanh-hóa) đời nhà Trần làm tri-huyện, huyện Tiên-du, đi xem hội mẫu-đơn ở chùa Phật-tích (Bắc-ninh), gặp một nữ-lang lỡ tay bẻ gãy một cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua núi Nga-sơn lại gặp nữ-lang tức tiên-nữ Giáng Hương 絳香. Nay ở Nga-sơn còn có một cửa động gọi là động Từ Thúc, tương truyền là nơi Từ Thúc gặp tiên.

(2) Thu-thiên 秋韃 : cây đu.

(3) Chữ khách 客 đây trở vào mỹ-nhân.

(4) Vô-già : Tên một hội ở chùa. Có bản chép : Trong hội thuyên già.

(5) Cửa không do chữ không môn 空門. Theo thuyết nhà Phật thì thế-gian cái gì cũng không cố, nên thế-lực cho cửa Phật là cửa không.

(6) Ngàn giác do chữ giác ngàn 覺摩. Đạo Phật là chính giác 正覺, nơi theo đạo Phật là bước lên cái bờ giác-ngộ 覺悟.

(7) Từ-bi 慈悲 : Hiền-lành, thương xót, khẩu-hiệu của nhà Phật là từ-bi lân-mẫn chúng-sinh 慈悲憐憫衆生.

- « Gió bay những tiếng thị-phi, (1)
« Trót lằm thối có trách gì đến ai ».
Giọng kiêu (2) nghe lọt vào tai,
Đã gần bề sặc, khôn voi sóng tình.
Thưa rằng : « Chút phận thư-sinh, (3)
120.— « Đèn từ (4) soi đến tấm thành (5) với nao !
« Chi-viên (6) nữ hẹp-hỏi sao,
« Mở đường phương-tiện (7) chút nào được
chẳng ? »
Rằng : « Dây về đạo kim-thằng, (8)

(1) *Thị-phi* 是非 : Phải trái. Câu này ý nói dù phải hay trái cũng không chấp.

(2) *Giọng kiêu* : giọng nói của người con-gái.

(3) *Thư-sinh* 書生 Học-trò, người đọc sách.

(4) *Đèn từ* : Ngọn đèn từ-bi, ý nói đèn nhà Phật.

(5) Có bản đề là tấm thành, nhưng tấm thành có lẽ ổn hơn. Tấm thành là lòng thành, do chữ nhất phiến thành tâm 一片誠心 mới là lời nói nhún.

(6) *Chi-viên* : 祇園 tên một khu vườn của đức Phật. Ngày xưa Tu Đạt Đa trưởng-giả 須達多長者 muốn sửa một nơi tinh-xá 精舍 (nhà tinh-khiết) để đức Phật ở, xét chỉ có vườn của Chi-Đà Thái-tử 祇陀太子 rộng 80 khoảnh, nhiều cây sầm-uất, bèn nói với Thái-tử, Thái-tử bảo đem vàng giải khắp vườn sẽ cho. Tưởng là nói đùa, không ngờ trưởng-giả làm thực, rồi dựng thành tinh-xá thỉnh đức Phật đến ở, gồm 1300 khu. Vì là vườn của Chi Đà Thái-tử, nên mới gọi Chi-viên. (Kim Cương Kinh Chú 金剛經註)

(7) *Phương-tiện* : Tùy phương nhân tiện 隨方因便, tiếng nói của nhà Phật, cũng như nói tùy-tiện không bắt buộc..

(8) *Kim-thằng* 金繩 : Dây vàng, dây buộc kinh của nhà Phật.

« Trăng-hoa (1) sao khéo nói-năng những lời.

« Bến từ (2) có hẹp chi ai,

« Giốc đem thuyền giác (3) độ người bến mê.

« Ngán cho bên cội bờ-dề, (4)

« Phải đường ong-bướm đi về đấy sao?

« Đóa hoa sẵn nhac vàng treo,

130. — « Tiếng oanh chỉ đề lao-xao trên cành ».

Lặng nghe lọt hết giọng tình,

Lòng tham quanh cả bên mình mỹ-nhân,

Rằng : « Đáy lằm xuống mê lân, (5)

« Tiền duyên (6) xin đề kim thân (7) từ đây.

« Ba sinh (8) cho vẹn mười nguyên, (9)

(1) *Trăng-hoa* : tức là trên hoa gheo nguyệt : chuyện trai gái. Có bản chép *Phong-hoa* : bởi chữ *phong-hoa* tuyết nguyệt 風花雪月 : cái thú vui-về thỏa-thích của trần-gian — e không đúng,

(2) *Bến từ* : Bến từ-bi của nhà Phật. Có bản chép bến Thiên.

(3) *Giác* bởi chữ chính-giác 正覺, đạo Phật lấy sự giác-ngộ 覺悟 làm tông-chỉ chính, *thuyền giác* nghĩa là con thuyền chứa đầy sự giác-ngộ. Có bản chép : *Sá* đem thuyền Giác độ người si-mê.

(4) *Bờ-dề* 菩提 : Tiếng Phạn, cũng như nói chính-giác

(5) *Mê lân* 迷津 : Bến mê.

(6) *Tiền duyên* 前緣 : Duyên trước.

(7) *Kim thân* 今身 : Thân đời nay.

(8) *Ba sinh* : bởi chữ tam sinh 三生, ba đời luân chuyển; kiếp này sang kiếp khác.

(9) *Mười nguyên* ; bởi chữ thập đại nguyên 十大願 (mười điều nguyện-ước lớn), chữ nhà Phật.

« Nhờ tay kim-trưởng, (1) đưa duyên xích-thăng, (2)

« Gậy linh mượn phép cao-tăng, (4)

« Phá thành sâu-khổ cho bằng mới cam.

« Chày sương đợi khách cầu Lam, (5)

140. — « Phàm tiên may bén tay phàm biết đâu.

« Nước bèo (6) dù có duyên sau,

« Bén sông thử bắc nhịp cầu từ đây. »

NỖI NGHI-HOẶC CỦA TỬ UYÊN SAU KHI MỸ-NHÂN BIẾN ĐI

Người còn cọt gió, đợi mây,

Gót tiên khách đã trở giày làm thình,

Ngóng theo đến Quảng-văn-dinh (7).

Bóng trắng trông đã trên cành lướt qua.

(1) Kim-trưởng 金相 : bởi chữ kim trưởng ngọc chất 金相玉質, tương vàng chất ngọc, nói về bậc cao quý thiêng-liêng. Có bản chép Kim-hạnh.

(2) Xích-thăng 赤繩 : Dây đỏ, lấy tích Vi-Cổ đời Đường đi cầu hôn, gặp ông già ngồi tựa cái túi vải hương về mặt trăng soạn sổ. Hỏi sổ gì thì nói là hôn-nhân 婚書. Hỏi trong túi có vật gì, thì nói có dây đỏ để buộc chân những người có duyên nợ vợ chồng, dù xa cách hay có thù-hằn gì, khi đã xe dây thì không thể tránh được.

(3) Gậy linh : bởi chữ linh trượng 靈杖 gậy thiêng, nghi-trượng của nhà chùa.

(4) Cao tăng 高僧 : Nhà sư cao tay. Sư giỏi.

(5) Xem chú-thích số 3, 4 trang 33 truyện Phan Trần nhà Tân Việt xuất-bản.

(6) Nước bèo : bởi câu bình thủy tương phùng, tận thị tha-hương chi khách 萍水相逢盡是他鄉之客 (bèo, nước gặp nhau, đều là khách lạ quê người cả).

(7) Quảng-văn-dinh 廣文亭 : nay là chợ cửa Nam Hà-nội.

- Mượn người thăm hỏi gần xa,
Hồng-lâu tử-các (1) đâu mà đến đây ?
Hay là quán nước, làn mây,
150.— Gió xuân thổi xuống chốn này đây sao ?
Dám xin trở lối cho nao,
Tới non Ngọc (2) để ai nào về à !
Ơn lòng nhân liễu thăm hoa,
Biết đâu sắc sắc vẫn là không không. (3)
Thoắt thôi lẫn bóng ngàn thông,
Hương trầm còn thoảng cánh hồng đã khơi.
Xe loan (4) gió cuốn lưng trời,
Tiên về động bích. (5) tình rơi cõi trần.
Ngửa trông năm thức mây vẫn, (6)
160.— Hồn chưa đến chốn non thần đã mê.

(1) *Hồng lâu tử các* 紅樓紫閣 : lầu hồng gác tía, trở về phụ-nữ nhà phú-quí.

(2) *Non Ngọc* : bởi chữ Ngọc-sơn 玉山. Sơn-hải kinh : Ngọc-sơn là nơi ở của Tây Vương Mẫu (玉山是西王母所居). Có bản chép : tới non Vu để ai nào bỏ qua !

(3) *Sắc sắc không không* 色色空空 : tiếng nhà Phật. (Xem chú-thích kỹ ở số 2 trang 35 truyện Phan Trần nhà Tân Việt xuất-bản).

(4) *Xe loan* : bởi chữ loan xa 鸞車 chữ 鸞 với chữ 雲 thông-dụng, đó là một thứ xe có đeo chuông, nhạc để đi cho có nhịp, êm-ái đều đều, vì là xe chở các phi-tần của nhà vua. Chữ xe loan đây chỉ vào xe tiên-nữ.

(5) *Động-bích* : bởi chữ bích động 碧峯 nơi tiên ở.

(6) *Năm thức mây* : Bởi chữ ngũ sắc, vân 五色雲. Từ-nguyên : « ngũ sắc tương vân, tiên nhân sở ngự » 五色祥雲仙人所御 : năm thức mây đẹp là nơi tiên ở.

TÚ UYÊN TRỞ VỀ
MANG BỆNH TƯƠNG-TU

Lần trắng ngo-ngân ra về,
Đèn thông kêu cạn, giấc hòe (1) chưa nên.
Nỗi nằng canh-cảnh nào quên,
Vẫn còn quanh-quần người tiên khéo là !
Bướm kia vương lấy sâu hoa,
Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh !
Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhân (2).
Cầu hoàng (3) tay lựa nên văn,
170.— Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào ! (4)
Có khi chuốc chén rượu đào,
Tiệc mời chưa cạn ngọc giao đã đầy.

(1) Giấc hòe : bởi tích Hoè an mộng 槐安夢. Thuần Vu Phần 淳于棼 say rượu ngủ dưới gốc cây hòe, nằm mộng thấy vua nước Hoè-an vời cho làm quan ở quận Nam-kha 南柯 khi tỉnh dậy, thấy gốc cây có lỗ sáng vừa bằng cái giường, có con kiến rất to, đó là vua, lại có một lỗ về phía nam cạnh cây, đó là quận Nam-kha. Sau người ta nói bóng về chiêm-báo thường gọi giấc hòe hay giấc Nam-kha cũng thế.

(2) Hoài nhân 懷人 : nhớ người, do câu « ta ngã hoài nhân » 嗟我懷人 trong Kinh Thi lời bà Hậu Phi nhớ Chu Văn-Vương.

(3) Cầu hoàng 求凰 : khúc đàn cầu hôn (tìm vợ) của Tư-Mã Tương Như.

(4) Tương Như : tức Tư-Mã Tương Như 司馬相如, một bậc văn-tài đời Hán gảy đàn rất hay, Trác văn Quân 卓文君 là một gái đẹp góa chồng, nghe khúc cầu hoàng của Tương Như phải lòng đi theo.

Hơi men không nhấp mà say,
Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.
Có khi ngồi suốt năm canh,
Mở quyền điềm nguyệt, chuông kinh nên
sương.

Lặng nghe những tiếng đoạn-trường, (1)
Lửa tình dễ đốt, sóng Tương (2) khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,
180. — Tiếng chim hót sớm, trận nhạn (3) bay
khuya.

Ngồn-ngang cảnh ngộ tình kia,
Nỗi riêng, riêng bết, đã-dễ với ai ? (4)
Vui xuân chung cảnh một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.
Lòng yêu tay tả nên thơ,
Mảnh tình phong với mảnh tờ đưa theo.
À Hằng (5) vì nặng lòng yêu,
Rẽ mây mở lối tình-thiền (6) cho nao !

(1) Đoạn-trường 斷腸 : đứt ruột.

(2) Vua Thuần mất ở Thương-Ngô, hai vợ là Nga-Hoàng, Nữ-Anh cũng thương-khóc thâm-thiết ở trên sông Tương-giang 湘江, bởi vậy người ta mượn chữ sông Tương hay mạch Tương để ví với nước mắt, cũng như nói hạt châu hay hàng châu, (xem chú-thích ở trên).

(3) Trận nhạn : bởi chữ nhạn trận 雁陣, hàng chim nhạn.

(4) Có bản chép : Nỗi lòng ta biết đi về cùng ai. Có bản chép . . . tả dễ với ai.

(5) À Hằng : bởi chữ Hằng Nga 嫦娥 người đẹp trong cung trăng.

(6) Tình-thiền 星轺 : cái xe của sứ-giã thông tin.

Hỏi cho giáp mặt hoa đào,
190.— Vườn xuân chẳng lẽ ngăn rào mãi ru !

HÀ-SINH ĐẾN THĂM BẠN
TÚ UYÊN KÈ SỰ TÌNH

Đồng song (1) có gã họ Hà,
Ươm tình mới hỏi lân-la gót đầu,
Cớ sao chuốc nảo mùa sầu,
Bữa thường ngao-ngán như màu nhớ ai ?
Bấy nay vắng-vẽ thư trai (2)
Vóc sương nghe đã kêm vài bốn phần.
Nguồn cơn ngộ với cố-nhân, (3)
Họa may sẽ giúp được phần nào chẳng ?
Điều đầu thực khéo như rằng,
200.— Nói vào hợp ý khôn bùng lòng người.
Song mà tình chẳng riêng ai,
Bệnh tương-tư có trải mùi mới hay.
Người ngu, đáng thánh xưa nay,
Tình chung chẳng ở vòng này hay sao ?
Nói dù, nghe cũng thế nào. (4)
Lặng dù, nghe cũng nao-nao chẳng đành.
Bệnh-cần (5) khôn lẽ dấu quanh,
Cầm tay mới kể đình-ninh mọi điều.
Nói bao nhiêu, tưởng bấy nhiêu,
210.— Ghê cho sắc ngọc dễ xiêu lòng vàng.

(1) Đồng song 同窗 : Cùng cửa sổ, bạn cùng học một thầy.

(2) Thư trai 書齋 : Phòng đọc sách.

(3) Cố-nhân 故人 : Người cũ, bạn cũ.

(4) Có bản chép : Nói ra nghe thấy thế nào. Lặng yên thì cũng nao-nao chẳng đành.

(5) Bệnh-cần 病根 : Gốc bệnh.

Những là tiếc phần say hương,
Nên vò lười nhện mà vương tơ tằm.
Sâu đường bẽ, khắc như năm,
Xương mai chịu được mấy lăm mà gãy !
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Gánh sầu san-xẻ ai đây ai vơi ?
Lạ cho cái giống hương trời, (1)
Biết năm, biết thừa, biết đời nào quên.

HÀ-SINH NHẮC LẠI TRUYỆN
THÁNH - TÔNG GẤP TIỀN

Hà nghe nói hết căn-n, duyên,
220.— Nghĩ xem truyện ấy quả-nhiên rằng kỳ.
Chẳng thần-nữ, cũng tiên-phí, (2)
Duyên xưa còn có chút gì hay không.
Lá hồng (3) ra mối chỉ hồng, (4)
Nước bèo (5) kia cũng tương-phùng có phen.
Ngọc-liên nghe có Hoa-tiên.
Thánh-tông (6) thừa trước qua miền ấy chơi.

(1) Hương trời : Bối chữ thiên-hương 天香.

(2) Thần-nữ 神女 Tiên-phí 仙妃 chỉ về bậc phụ-nữ thần tiên.

(3) Lá hồng : bối chữ hồng-diệp 紅葉, đã chú-thích ở trên.

(4) Chỉ hồng bối chữ xích-thăng 赤繩, đã chú-thích ở trên.

(5) Nước bèo : bối câu bình thủy tương phùng 萍水相逢, đã chú-thích ở trên.

(6) Thánh-lông 聖宗 (1460-1497) : Vua thứ 4 đời Hậu Lê 後黎, một ông vua có tài văn thơ, thích ngâm vịnh rất lưu-lâm về văn-học nước nhà.

Lầu chuông bỗng gặp một người,
Ngâm câu thần-kệ, vịnh bài quốc-âm. (1)

Ngự khen tú khẩu cầm tâm, (2)

239.— Mến riêng vì sắc, yêu thầm vì thơ.

Rước về rấp gạn tóc tơ,

Gót tiên bỗng thoát bao giờ còn đâu ?

Mười-lăm năm nợ chưa lâu,

Còn di-tích đó là lầu vọng-tiên, (3)

Lạ tai nghe những chẳng tin,

Thử coi cho thấy nhỡn-tiền mà ghê.

Nhận ra trong lá thơ đề,

Bút tiên chi đề điểm mê lòng phàm.

Những là én bắc nhận nam, (4)

(1) Tương truyền Lê Thánh-tông ngự chơi chùa Ngọc-liên nghe thấy một ni-cô ngâm câu kệ rằng : « Ở đây mến cảnh mến thầy, tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng trần ». Ngài truyền ni-cô làm thơ mà đầu bài lấy ngay câu ấy. Ni-cô ứng khẩu ngay. Trong bài thơ có câu rằng : « Gió thông đưa kệ tam niên tục, hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời ».

(2) Tú khẩu cầm tâm 繡口錦心 (miệng thêu lòng gấm) nói văn-chương tươi-đẹp như gấm-vóc.

(3) Lầu vọng-tiên 望仙樓 : Tương truyền sau khi vịnh thơ, Lê Thánh-tông khen là tài-nữ, cho ni-cô ngồi cùng xe đem về cung, đến nửa đường bỗng biến mất. Ngài nhớ tiếc mãi, truyền dựng lầu trông-ngóng. Nay phố Hàng Bông Hà-nội, chỗ cây đa cửa quyền, còn có Vọng-tiên-quán 望仙觀, phải chăng di-tích từ bấy giờ ?

(4) Ến bắc nhận nam : bởi câu « cô nhận nam phi hồng bắc khứ 孤雁南飛鴻北去 (nhạn lẻ bay về nam, chim hồng bay về bắc). Ý nói không dính-dáng gì với nhau.

240.— Cách hoa mặt nước () dễ làm sao đây ?

Tuy rằng cách trở đông tây,
Dầu xa, xa cũng có ngày gần nơi.
Gác xuân cách mấy dặm khơi,
Nhân-duyên đành để gió trời thổi đưa.

HÀ-SINH KHUYÊN BẠN
KHÔNG NÊN MƠ-TUỞNG HẢO

Hà rằng : hương lửa duyên ưa,
Có khi tình trước còn chờ hội sau.
Đành rằng kỳ ngộ nan cầu (2),
Biết đâu non thẳm doanh sâu mà tìm.

Biết đâu nhân cá gửi chim,

250.— Vớt trăng dưới nước, mò kim trong doanh.

Biết đâu ả Tố, nàng Quỳnh,
Có chi nhớ quần sầu quanh khéo là.
Chuồn mua lấy nợ phong-hoa,
Mối tơ phớ mặc trăng già phải nao !
Xuân sang xuân đã già nào,
Chờ sau mai nở thì đào chẳng lâu.

Vắt tay ngắm-ghĩ xưa sau.

Như ai cắt hẳn gánh sầu thoảng không.

Nói cười tươi-tắn thông-dong.

260. — Đổi lòng phong-nguyệt ra lòng vân-thiên.

(1) *Cánh hoa mặt nước* : bởi câu «落花流水兩無情, hoa rụng nước trôi hai bên không có tình gì cả».

(2) *Kỳ ngộ nan cầu* 奇遇難求 : Cuộc gặp-gỡ lạ-lùng khó kiếm.

Thôi mong khách, lại chờ tin,
Thư hồng ngày mới, chán uyên đêm dài.

Bâng-khuâng một mối viễn hoài, (1)
Khi trong sân tuyết, khi ngoài trời tây. (2)

Ngày thường ngắm cảnh am mây,
Người buồn xui cả cỏ-cây cũng buồn.

Còn trời, còn nước, còn non,
Mây xanh nước biếc vẫn còn như xưa.

Hoa đào còn đó trơ trơ,
270.— Mà người năm ngoài bảy giờ là đâu ? (3)

Vù vù gió thổi rèm lầu,
Càng như chất mối tơ sâu vào thêm.

TÚ UYÊN XEM BÓI THÊ VÀ NĂM MỘNG

Chạnh đâu nhờ chuyện bốc tiêm, (4)
Tới đền Bạch Mã. (5) giải niềm cầu duyên.

Khẩn rồi ra góc tây-hiền,
Nén hương tắt đỏ, ngọn đèn nhỏ to.

(1) Viễn hoài 遠懷 : Nhớ người xa.

(2) Câu này nói khi ở trường học, khi đến nhà chùa.

(3) Câu này do bài thơ của Thôi Hộ 崔護 : « Tích niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng; nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tán đông phong. 昔年今日此門中, 人面桃花相映紅, 人面不知何處去, 桃花依舊笑東風. Nghĩa là năm trước hôm nay trong cửa này, mặt người hoa đào cùng ứng đỏ, mặt người chẳng biết đi nơi nào, hoa đào nguyên vẫn cười với gió.

(4) Bốc tiêm 卜筮 : Bói thê (ở các đền chùa để xem tốt xấu).

(5) Bạch Mã 白馬 : Tức đền Bạch Mã ở làng Buồm.

Bóng trắng vừa xể cảnh ngộ,
Giấc hòe (1) dịu-dịu, chần cù êm-êm.

Thấy người cao mũ rộng xiêm,
280. — Tay cầm thiết bằng, (2) trang-nghiêm khác
vời.

Trước sân sang-sảng dạy lời,
Rằng : « Mai sớm đợi ta ngoài sông Tô. (3)

« Lọ là oanh-yến hện-hò,
« Cầu Đông (4) sẵn lối, cầu Ô (5) đó mà ! »

Vội mừng, chợt tỉnh giấc hoa,
Sao vừa nhàn-nhật, trời vừa eo-eo. (6)

Lòng yêu phải bước chân theo,
Xăm-xăm ra đó vắng teo thấy gì.

Nước trong vắt, cỏ xanh rì,
290. — Thạch-kiều (7) thấy đó giai kỳ (8) nào đâu ?

GẶP NGƯỜI BÀN TRANH

TÚ UYÊN MUA VỀ TREO

Trông-mong đã suốt giờ lâu,

(1) Giấc hòe : xem chú-thích ở trên.

(2) Thiết bằng 鐵榜 : bằng sắt.

(3) Sông Tô : tức sông Tô-lich 蘇 滌 nay đã bị lấp, di-
tích của sông là phố Tô-lich bây giờ.

(4) Cầu Đông nay ở phố Hàng Đường.

(5) Cầu Ô do chữ Ô-kiều 烏 橋 lấy tích mồng 7 tháng 7,
chím qua đi đội cầu qua sông Ngân-hà 銀 河 cho Ngưu Lang
牛郎 Chức Nữ 織 女 hội kiến với nhau.

(6) Câu này ý nói trời gần sáng, có bản chép : Trời
đá kiêu kiêu.

(7) Thạch kiều 石 橋 : cầu đá.

(8) Giai-kỳ 佳 期 : kỳ-hẹn tốt.

Ôm cây (1) mãi thẽ ra màu cũng quê.
 Chán chiều thơ-thần ra về,
 Xem tình dở tỉnh dở mê, nức cười.
 ✕ Bỗng may lại gặp một người,
 Tay mang tranh vẽ, gót dời đường hoa.
 Liền tay xin lĩnh xem qua,
 Truyền-thần một tượng Tổ-ngà (2) rành-rành.
 Diệu-dàng vẽ đậm màu thanh,
 300.— Như người gặp Quảng-văn-dinh ngày xưa.
 Càng nhìn nét bút, càng ưa.
 Chàng Vương (3) dẫu mặc bao giờ cho nên.
 Mua về treo chốn thư-hiên, (4)
 Như ai đem ngọc giải phiền (5) lại cho.

TÚ UYÊN VỚI
BỨC TRANH TỔ-NỮ

Mưa hoa khép cánh song hồ, (6)
 Sớm khuya với bức họa-đồ (7) làm đôi.

(1) *Ôm cây* : do tích chuyện trong sách Hàn-phí-tử 韓非子 : Người nước Tống đi cày ruộng, giữa ruộng có cụm cây, có con thỏ chạy vấp phải mà chết, người đi cày bỏ cả cày đến ôm mãi lấy gốc cây, mong lại có con thỏ nữa.

(2) *Tổ-ngà* 素娥 : Tức Hằng-ngà trong cung trăng, đây nói về gái đẹp.

(3) *Vương Ma-Cật* 王摩詰 là một danh-họa đời xưa.

(4) *Thư-hiên* 書軒 : Hiên nhà đọc sách.

(5) *Giải phiền* 解煩 : Cởi sự phiền-não.

(6) *Song hồ* : bởi chữ chỉ song 紙窗 hay hồ song 糊窗, nghĩa là cửa sổ phất giấy, nơi đọc sách của học trò nghèo.

(7) *Họa-đồ* 畫圖 : Tranh vẽ, tức là bức tranh Tổ-nữ mà Tú Uyên mua đem về treo.

Mâm chầu g một, đĩa thêm hai,
Thơ trao dưới nguyệt, rượu mời trước hoa.
Tướng gần thôi lại nghĩ xa,

310.— Có khi hình-ảnh cũng là phát-phu. (1)

Em t: ời vừa tiết trắng thu,
Ngân sương rất bạc, lá khô rụng vàng.
Chiều thu như gọi tấm thương,
Lòng thường trông xuống sông Tương (2) mơ
hình.

Kề bên năn-nỉ bày tình,
Nổi nhà thừa trước, nổi mình ngày xưa.

Từ phen giáp mặt đến giờ,
Những là ngày tưởng đêm mơ đã chồn.

Ấy ai điểm phấn, tô son,
320.— Đẽ ai ruột héo, gan mòn vì ai.

Buồng đào nửa bước chẳng rời,
Nghìn vàng đổi được trên cười ấy chẳng ?

Rày xin bẻ khóa cung trăng,
Vén mây mở mặt chị Hằng, chút nao !

Chợt trông mấp-máy miệng đào,
Mặt hoa hơn-hở đường chào chúa Đông (3)

(1) *Phát-phu* 髮膚 : Tóc và da. Hiếu Kinh 孝經 có câu : Thân thể phát phu thụ chi phụ-mẫu . . . 身體髮膚受之父母 nghĩa là thân-thể tóc da con người là bẩm-thụ bởi cha mẹ. Câu này ý nói hình-ảnh thì coi cũng như người thực.

(2) Xem chú-thích ở đoạn trên.

(3) *Chúa Đông* : bởi chữ Đông-quân 東君, tên một vị thần coi về mùa xuân. Chúa Đông cũng như nói chúa Xuân.

TỔ - NỮ TRONG TRANH
HIỆN THÀNH NGƯỜI THỰC

- Cho hay tình cũng là chung,
Khách tiên chưa dễ qua vòng ái-ân !
Một khi ra việc trường vắn,
330.— Trở về đã thấy bát-trần (1) sẵn sàng.
So xem phong-vị khác thường,
Mùi hoa sức-nức, mùi hương ngạt-ngào.
Bếp trời (2) sẵn đỏ hay sao,
Của đâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi !
Sáng mai cứ buổi ra đi,
Liệu chừng thoát trở lại về thử coi.
Bống đâu thấy sự lạ đời,
Trong tranh sao có bóng người vào ra ?
Nhơn-nhơn mây liễu mặt hoa (3),
340.— Này người khi trước đâu mà đến đây ? (4)

TÚ UYÊN CÙNG GIẢNG
KIỀU TRÒ. CHUYỆN

Nàng đương trang-diễm nào hay,
Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào.
Vội-vàng đánh tiếng xa chào,
Bên mừng bên lệ, xiết bao là tình !

(1) *Bát-trần* 八珍 : Tám thức ăn quý-bán ngon lành.
Theo Chu-lễ thì 8 thức ăn là : bột ngào, bánh mỡ, lợn quay,
dê thui, chấ giã, thịt ướp, nem luộc và gan nướng.

(2) *Bếp trời* : bởi chữ thiên trù 天廚, tên một ngôi
sao coi việc bếp cho nhà trời.

(3-4) Câu này có bản chép : Rõ-ràng mây liễu mặt hoa,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà tới đây.

- Rằng : « Bấy lâu một chữ tình,
« Gặp đây xin ngộ tình-danh cho tương ? »
Nàng rằng : « Bỏ-liều (1) phạn thường,
« Vì mang má phẩn nên vương tơ điều.
« Vốn xưa thiệp khách thanh-tiên (2)
350.— « Tiên Thù (3) là hiện, Giáng Kiều (4) là tên.
« Ba sinh đã nặng vì duyên,
« Đem thân liễu yếu kết nguyên đào thơ.
« Nhân-duyên đã định từ xưa,
« Tơ trắng (5) xe đến bấy giờ mới thân.
« Cũng là nhờ đức tiên-quân, (6)
« Đóa hoa biết mặt chúa xuân từ rày ».
Sinh rằng : « Trong bấy lâu nay,
« Nhấp sậu gối muộn có ngày nào người.

(1) Bỏ-liều : Một loài cây cỏ mềm-yếu. Cổ quân Thục 顧君叔 đời Tấn, đồng tuế với vua Giản văn-đế mà đầu bạc sớm, vua hỏi thì nói : cái tư-chất của loài bỏ liễu, hễ thấy mùa thu là rụng — bỏ liễu chỉ tư vọng thu nhi lạc 猶新之姿望秋而落, vì thế người ta quen dùng chữ bỏ liễu để ví phải yếu (hạn gái).

(2) Thanh-tiên 青霄 : Mây xanh, bầu trời.

(3) Tiên-thù 仙姝 : Nghĩa đen là nàng tiên đẹp.

(4) Giáng Kiều 降嬌 : Nghĩa đen là gái đẹp mặc áo mui.

Hai danh-từ trên này có bản chép là tiên-chu và phong-kiều có lẽ dịch lầm chữ thù 姝 ra chữ chu 朱 và chữ giáng 降 ra chữ phong 鋒.

(5) Tơ trắng : do chữ tơ hồng nguyệt lão 緣紅月老 đây tơ của bà nguyệt xe duyên vớ chồng.

(6) Tiên-quân 仙君 : Chúa tiên.

- « Đã rằng : tác hợp duyên trời, (1)
 360.— « Làm chi cho bận lòng người lăm nầu ! » (2)
 Nàng rằng : « Xin quyết gieo cầu, (3)
 « Tắm son (4) thề với trên đầu xanh xanh, (5)
 « Dám đấu học thối yến-oanh,
 « Mặn tình trăng-gió, nhạt tình lửa-hương.
 « Gieo thoi (6) trước đã dở-dang,
 « Sao nên nát ngọc phai vàng như chơi.
 « Mái Tây (7) còn để liếng đời,
 « Treo gương kim cổ cho người soi chung.
 « Lạ gì hoa với gió đông,
 370.— « Tiếc hương và cũng nề lòng chim xanh.
 « Một mai mưa gió bất tình,
 « Vóc tàn nên để yến-oanh hững-hờ. (8)

(1) *Tác hợp duyên trời* : do câu thiên tác chi hợp 天作之合 trong Kinh Thi, nghĩa là trời làm cho kết hợp với nhau. Ý nói nhân duyên tự trời gây nên.

(2) *Lăm nầu* cũng như lăm thay, tiếng đệm, như câu : « làm chi cho bận lòng này lăm thân » trong truyện Kiều. Có bản chép là « lăm nao ».

(3) *Gieo cầu* : do tích Hán Vũ-đế kén phò-mã, cho công-chúa đứng trên lầu, gieo quả cầu xuống dưới, ai cướp được thì trúng tuyển. Sau các nhà quyền-quí cũng bắt-chước lối ấy để kén rể.

(4) *Tắm son* : tức tắm lòng.

(5) *Xanh xanh* do chữ *thương thương* 蒼蒼 chỉ vào trời xanh.

(6) Có bản chép : Gieo cầu.

(7) *Mái Tây* do chữ *Tây-sương* 西廂, Thối Oanh Oanh tư-ước với Trương Quân-Thụy ở mái tây chùa Phổ-cứu, sau bị Trương Quân-Thụy coi rẻ. (Xem « Mái Tây » — Tân Việt xuất bản).

(8) Có bản chép : « Vườn xuân luống để yến-oanh cười khờ ».

« Nghĩ trong thân-phận yếu thơ,
« Làm chi đề tiếng sờ-sờ lại sau ! »

GIANG KIỀU DỪNG
PHÉP TIÊN BIẾN - HÓA

Nói thôi rút chiếc trâm đầu,
Biến hình liền thấy đôi hầu theo ra.
Tưng-bừng sắm-sửa tiệc hoa,
Bình tràm đưa khói, chén hà đậm hương. (1)

Giọng tình sánh với quỳnh-trương. (2)

380.— Giả say sinh mới toan đường lần-khán.

Thưa rằng : « Túc trái tiền nhân, (3)

« Không đừng dễ xuống cõi trần làm chi.

« Song còn mấy bạn tương tri, (4)

« Bấy lâu chưa có chút gì là đầu.

« Trước xin từ-biệt cùng nhau,

« Chữ duyên này trở về sau còn dài »,

Nghe lời nói cũng êm tai,

Chiu lòng chỉ nỡ ép-nài mưa mây.

Trước sân mừng cuộc tỉnh say.

390.—Tiếng vui dải nguyệt, (5) tiệc bày đối hoa. (6)

(1) Bình tràm : do chữ hương bình 霞瓶 chén hà do chữ hà bôi 瓊杯.

(2) Quỳnh-trương 風簪 : Nước ngọc, nói về thứ rượu quý.

(3) Túc trái tiền nhân 風債前因 : Nợ cũ duyên xưa,

(4) Tương tri 知相 : Cùng biết nhau.

(5) Dải nguyệt 待月 : Đợi trăng.

(6) Đối hoa 對花 : Ngắm hoa, đối-diện với hoa.

Bóng mây bồng kéo quanh nhà,
Thảo-am (1) thoát đã dời ra lâu-đài.

Tường-quang (2) sáng một góc trời,
Nhờn-nhờ áo, mũ, xiêm, hài, biết bao !

Người yêu-điệu, khách thanh-tao,
Mỗi người một vẻ, ai nào kém ai.

Lả-loi bên nói, bên cười,
Bên mừng cố hữu, (3) bên mời tân-lang (4)

Đong-đưa khoe thắm đua vàng,
400. - Vũ-y thấp-thoảng, Nghê-thường thướt-tha. (5)

TÚ - UYÊN CÙNG
GIÁNG KIỀU KẾT DUYÊN

Yến tân (6) chúc chén năm ba,
Người còn vui tiệc, khách đã cáo say.

(1) Thảo-am 草庵 : Lều cỏ, nhà tranh.

(2) Tường-quang 長光 : Ánh-sáng tốt lành, bóng hào-quang, báo điềm tốt lành.

(3) Cố-hữu 友故 : Bạn cũ.

(4) Tân-lang 新郎 : chàng rể mới.

(5) Đường-thư : Đường-Minh-Hoàng 唐明皇 lên chơi Nguyệt-diện, thấy các tiên-nữ mặc áo cánh chim (vũ-y), đeo xiêm mũi cầu vòng (nghê-thường), hát bài Tây-thiên điệu-khúc 西天調曲. Trở về chỉ còn nhớ mang-màng, nhằm lúc có Tiết Đô-sứ từ Tây-lương 西涼 đem khúc hát Bà-la-môn 婆羅門 đến hiến, Minh Hoàng truyền đem sửa-sang nhuận-sắc lại và đổi tên là khúc « Nghê-thường vũ-y 霓裳羽衣 ».

(6) Yến tân 宴賓 : Đặt tiệc đãi khách.

Kẻ ra nương bánh xe mây,
Người vào trường gấm vui-vầy bạn loan.
Lả-lơi cười vờ hoa-nhan, (1)
Trải chần thúy-vũ, (2) buồng màn phù-dung. (3)
Phòng tiên diu-dặt chén đồng,
Rèm tương (3) giũ thấp, trường hồng treo cao.
Ngân-ngờ hé cửa động đào,
410.— Mây tuông bề ải, mưa rào sông ân.
Mấy vàng đôi được khắc xuân, (5)
Xưa nay tải-tử, giai-nhan lạ gì ?
Cho hay thiên tải giai kỳ (6),
Trắng già xe đã phải thi đào non.
Cũng là một mối tơ son,
Năm-trăm năm cũng vương tròn từ đây.

(1) Hoa-nhan 花顏 : Mặt hoa.

(2) Thúy-vũ 翠羽 : Lông chim trỏ ; chần dệt bằng lông chim trỏ.

(3) Phù-dung 芙蓉 : Hoa phù-dung, màn thêu hoa phù-dung.

(4) Rèm tương : Cái rèm làm bằng trúc ở sông Tương. Tương-truyền hai bà vợ vua Thuấn khóc chồng, vẩy nước mắt vào những khóm trúc, thứ cây sản-xuất ở trên sông Tương, nước mắt đọng giọt, làm cho giống trúc có vằn óng-ánh như ngọc, trông rất ngoạn-mục, người Tàu quen dùng thứ trúc ấy chế rèm hay màn-mành. Kiều có câu : « Màn Tương phất phất gió đàn ! »

(5) Câu này bởi câu « Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim 春宵一刻值千金 », một khắc đêm xuân giá nghìn vàng.

(6) Thiên tải giai kỳ 千載佳期 : Dịp hẹn tốt, nghìn năm mới có một.

Đàn cầm từ thừa bèn dây,
Khi dầm-thấm đã bỏ ngày nhớ-nhung !
Khi gió mát, lúc trăng trong,
420.— Bần tiên chúc rượu, tơ đồng rối dây.
Khi tuyết xuống, lúc hương bay (1)
Câu thơ trên gác, bàn vây bên bình.
Tài hoa-quốc, (2) sắc khuy-nh-thành, (3)
Cầm, kỳ, thi, tửu, (4) đủ vánh trần-duyên.
Người tao-nhã, khách thuy-n-quyên,
Phong, hoa, tuyết, nguyệt, là tiên trên đời.
Nhà lan sum-hạp bạn mai,
Đã trong tần-tảo, (5) lại ngoài ty-ca. (6)

TÚ UYÊN SAY-ĐẦM
RƯỢU CHÈ, GIẢNG KIỀU
CAN-NGÃN KHÔNG NỖI

Lần lần năm đã kẻ ba,
430.— Hạnh và độ thắm, liễu và phần son.
Duyên ai tính đã vuông tròn,

(1) Có bản chép : sương bay, e không đúng vì đây là phong, hoa, tuyết nguyệt.

(2) Hoa-quốc 華國 : Làm vẻ-vang đẹp-để cho nước, nói về văn-chương.

(3) Khuy-nh-thành 傾城 : Do câu nhất tiểu khuy-nh nhân thành 一少傾人城 : một cười làm đổ thành nói về sắc đẹp.

(4) Cầm 琴 : đàn, kỳ 棋 : cờ, thi 詩 : thơ, tửu 酒 : rượu. Có bản chép : Cầm, kỳ, thi, họa, e không đúng vì trên có câu : Bần tiên chúc rượu.

(5) Tần 蓴, lão 藻 : Thù rau ở dưới nước, dùng vào việc cúng-tổ. Tần-tảo đây trở vào người nội-tự trông coi việc nấu-nướng, thờ cúng tổ-tiên.

(6) Ty-ca 絲歌 : Đàn hát,

Nào hay nợ trước chút còn dở-dang.
Trần-sinh từ thừa gặp nàng,
Vui-vầy mê-mải nên càng quá xưa.
Một ngày say mấy canh thừa,
Khuyên-can nàng mới ngỏ thừa ít nhiều.
Rằng : « Xin gửi một hai điều,
« Thân trăm-năm nở bỏ liễu thể ư !
« Thiếu gì những chuyện ngày xưa,
440.— « Còn bìa miệng đó tro tro chưa mòn !
« Ấy ai đổi gót bên non,
« Bóng trắng Thái-thạch (1) là hồn ai say !
« Vĩ còn lằm trước chưa hay,
« Thì đem gương ấy sau này mà soi ».

GIANG KIỀU BỊ NGƯỢC-
ĐÃI, GIẶN BỰC BỎ ĐI

Ngán thay khuyên-nhủ đến lời,
Nước kia đội đá có mùi gì đâu.
Thôi ngày trọn, lại đêm thâu,
Cạn chung (2) Lý Bạch, nghiêng bầu Lưu Linh.
(3)

(1) Thái-thạch 采石 : Tên một ghềnh đá (vòm cầu) dưới núi Ngưu-chủ thuộc tỉnh An-huy bên Tàu. Tương truyền Lý Bạch 李白 biệt-hiệu Trích-Tiên 謫仙 một bậc thi-tài đời Đường, có linh phóng-khoáng hay rượu. Một buổi ngồi trên ghềnh đá Thái-thạch, uống rượu quá say, thấy bóng trăng in đáy nước, liền nhảy xuống ôm lấy mặt trăng thành ra chết đuối.

(2) Chung 鐘 : Cái hũ, Chung Lý Bạch — hũ rượu của Lý Bạch.

(3) Lưu Linh 劉伶 : Một người nghiện rượu đời Tấn.

- Ma men quanh-quẩn bên mình.
 450.— Cho đàn trẻ phím, cho bình nhai hương.
 Mải-mê say tỉnh tâm-trường,
 Liệu bài nàng lại tìm đường van-lon.
 Trái tai vả lại ngứa gan,
 Đang tay nỡ đập hoa tàn tả-lơi.
 Dây đồng (1) đứt hẳn làm đôi,
 Cánh bèo theo ngọn nước trôi cũng rầu !
 Nàng càng tâm-tã tuôn châu,
 Ngán nhân-tình khéo ra màu thắm phai.
 Rằng : « Thôi, tôi đã quá lời,
 460.— « Xui lòng nghĩ lại một hai kéo mà »...
 Sinh đang vui chén la-dà,
 Vần-vơ tính quỉ hồn ma biết gì.
 Nói thôi, nói cũng chi chi,
 Nghe ra tiếng nặng như chì, giọng say !
 Nàng rằng : « Duyên-nợ bấy nay,
 « Thương ôi nước đổ bấc đầy được đâu. (2)
 « Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu, (3)
 « Doanh thu nên đề bắc cầu mấy phen !

(1) Dây đồng : đây là giải đồng tâm 同心.

(2) Câu này do chữ phúc thủy nan thu 覆水難收.

(3) Vợ chồng Ngâu do tích Ngưu Lang 牛郎 Chức Nữ 織女. Sau khi lấy chồng, Chức Nữ trở biếng công-việc dệt cửi. Ngọc-hoàng cả giận, bắt phải xa nhau mỗi người ở một bên sông Ngân-hà, Ngưu Lang ở bên Tây, Chức Nữ ở bên Đông, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần, tức mùng 7 tháng 7, có đàn qua đò cầu qua sông cho vợ chồng Ngưu, Nữ hội-kiến, khi đó đôi bên than khóc thành những giọt mưa lâm-tã, thường gọi là mưa Ngâu. Đó là theo tục truyền.

- « Sá chi nữa, cái hoa hèn,
470.— « Nghĩ làm chi nữa cái duyên cũ-càng.
« Đã lòng rẽ thủy chia hương,
« Đành lòng rẫy ngọc, ruộng vàng thì vâng.
Thôi thôi, thôi cũng cầm bằng,
Tơ hồng phó trả bà trắng cho rồi ».
Lạy rồi, đứng lại sân ngoài,
Bên bàn sày tỉnh mặc người ngồi trơ.

SAU KHI TỈNH RA
TÚ - UYÊN HỐI - HẬN

- Sinh còn đương cuộc nào ngờ,
Tỉnh dần dần lại, bây giờ biết sao ?
Biết phương nào, biết chước nào,
480.— Có chằng còn lúc chiêm-bao họa là !
Non thần (1) mấy dặm đường xa,
Khói mây man-mác dễ mà hỏi, vay !
Cát vàng bụi bạc xa bay,
Mây trên mặt đất, non xây chân trời.
Ngắt chừng bề thăm doanh khơi,
Đường xa bao nỗi tình dài bấy nhiêu.
Buồn trông quăng vãng đường queo,
Gió lay nhẹ lá, sương gieo nặng cảnh.
Buồn trông cửa bể mong-mênh,
490.— Con thuyền thấp-thoảng cuối ghềnh ngồn-
ngang.
Buồn trông cuối phố hàng Đường, (2)
Cánh hồng man-mác hạt sương đầm-đìa.

(1) Non thần : Đã chú-thích ở trên trong tích Sở
Trương-vương gặp thần-nữ.

(2) Tức chỗ Cầu Đông nơi gặp người bán tranh.

Buồn trông theo giải Tô-khê, (1)
 Chim kêu bụi rậm, trâu về đồng không. (2)
 Cảnh buồn như giục tấm lòng,
 Lại thêm vẩn-vít mấy vòng tơ vướng.
 Ấy ai phải vía chàng Trương, (3)
 Non tiên cách một bước đường nên xa.
 Hay là lỗi sỏ Hằng Nga, (4)

500. — Đêm đông vò-vỗ bóng tà sao thưa.
 Nghĩ tình nên những ngẩn-ngơ,
 Ai lên đường ấy, ai chờ đợi ai ?
 Lăn lăn trăng tối gió may,
 Nghĩ sao cho xiết sự đời phôi-pha !
 Trêu người chi bấy trăng già,
 Xe dây mỏng-mảnh ỡm-ờ mà chơi.
 Cho nên cách trở đôi nơi,
 Hoa trời cửa động, nước xuôi cỗi trần (5)
 Nghĩ riêng, riêng những ầu-năn,
 510. — Phấn hồ, (6) còn đó, tình-thần nào đâu ?

(1) Tô-khê 蘇溪 tức sông Tô-lich.

(2) Câu này tả cảnh buổi chiều, chim về tổ, trâu về chuồng, đồng ruộng vắng-vẻ. Có bản chú-thích là do tích Châu về hợp phố thi ép quá.

(3) Câu này nghe hối-nghĩa. Có bản chép : « Thương ai đứt gánh đoạn trường ».

(4) Câu này có bản chép : « Một mình lặng ngắm Tố-nga ».

(5) Câu này bởi câu Thiên-thai : « Hoa lưu động khẩu ưng trường tại, thủy đào nhân-gian định bất hồi » 花留洞口應長在, 水到人間定不回.

(6) Phấn hồ 粉糊 : Con bướm-bướm có phấn. Nói bóng về giấc mơ, do tích Trang-Chau 莊周 tức Trang-sinh 莊生, nằm mơ thấy mình hóa ra con bướm-bướm trắng. Kiều có câu « ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh ».

Càng thêm ngao-ngán trăm chiều,
Giắc nào nào hấp, bữa nào nào ngon.
Xác ve ngày một héo-mòn,
Xé gan con vượn, mơ hồn cái quỳên.
Tả lòng tay thảo mười thiên, (1)
Mấy câu, mấy chữ, mấy nghìn châu rơi.

HÀ-SINH KHUYÊN-
GIẢI TỬ UYÊN

- Hà-sinh phải buổi sang chơi,
Xót tình khế-hữu (2) liệu bài giải-khuyên :
« Biết đâu rằng quý rằng tiên,
520.— « Một may một rủi thời phiền-não chi.
« Dù tiên duyên đã mãn kỳ,
« Chờ cho duyên hợp châu về mối hơi !
« Hãy xin gắng-gượng làm tươi,
« Gánh sẵn trút cả cho người phải nao !
« Lỡ ra khi đến thế nào,
« Mà cho mắt tục (3) trông vào sao nên. »
Rằng : « Xưa trót đã nặng nguyên.
« Phải đem vàng đá mã đèn mới xuôi.
« Cũng dành cho thế-gian cười,
530.— « Còn hơn cam phụ với người tri-âm.
« Duyên xưa ầu chẳng xe lằm,
« Bao giờ kéo hết tơ tằm mà hay !

(1) Tú Uyên nhờ Giáng Kiều viết 10 bài thơ trường-lương-tư 長相思.

(2) Khế-hữu 契友 : Bạn-bè.

(3) Mắt tục : do chữ tục nhờn 俗眼, con mắt kẻ phàm-tục.

« Công đâu nghĩ mướn lo vay,
« Dầu mòn bia đá khôn lay tắc lòng ».
Xem chiều nói cũng như không,
Hà-sinh ra ý sượng-sùng cáo lui.

TÚ YUÊN TOAN TỰ - ẨM
GIANG KIỀU BỔNG HIỆN VỀ

- Khách đà về chốn tây-trai, (1)
Một mình một bóng đứng ngồi sao yên.
Quyết tìm khắp nước non tiên,
540.— Đem duyên giai-lão (2) đính-nguyên lai-sinh.
Giải là giũ sẵn bên mình,
Cũng liều trắng nợ, trần tình thử xem ! (3)
Gió hương đâu bỗng lại rèm,
Bóng hoa đâu đã trước thềm lả-lơi. (4)
Đương khi rằng một rằng hai,
Sịch hài nằng đã tới nơi bao giờ !
Mặt trông mặt, hãy ngần-ngờ,
Nào hay đã tỉnh còn ngờ rằng mê.
May sao may khéo đi về,
550.— Chạm chân chút nữa còn gì là ai !
Mắt nhìn chung cả con người,
Bên lòng mừng-tủi, bên lời hợp-tan.
Sinh rằng : « Từ vắng phương-nhan, (5)

(1) Tây-trai 西 西 : Nơi đọc sách phía tây, cũng như tây hiên 西 軒.

(2) Giai-lão 偕 老 : do chữ bách niên giai-lão, cùng nhau đến trăm tuổi già. Lai sinh 來 生 : Kiếp sau.

(3) Có bản chép : Cũng liều trắng nợ phong-tình thử xem.

(4) Có bản chép : Bóng hoa đâu đã trước thềm lả-lơi.

(5) Phương-nhan 芳 顏 : Mặt thơm, mặt hoa (tiếng gọi nịnh).

« Lòng theo trăng bẻ, mây ngàn thiếu đầu. (1)

« Quần bao bẻ rộng sông sâu,

« Đã toan quên cả cái cầu tứ-sinh.

« Dám đầu riêng phụ với tình,

« Dưới vàng có đất, trên xanh có trời.

« Kể chi những sự đã rồi,

560.— Sắt son ghi-tạc một lời từ đây » .

Thưa rằng: « Cầm đã bẻ dây,

« Có tri-âm đó, cuốn dây sao đành.

« Cũng công hương-lửa ba sinh,

« Nguồn ân chưa cạn, sông tình còn xao » .

Đình-ninh gần-bó tất giao, (2)

Trước sau nối gót trường đào song-song.

Vườn xuân hoa đã quen ong,

Từng xa-xôi lắm, lại nồng-nàn thêm.

Mấy thu gối ấm chăn êm,

570.— Cửa cài then nghĩa, phòng niêm khóa tình.

SAU KHI TÀI . HỢP,

VỢ CHỒNG TỬ UYÊN

SINH CHÂN NHỊ

Trên đào vừa thấy tinh oanh,

Gốc giao sớm đã nổi cảnh quế Yên. (3)

(1) Câu này bởi câu thơ chữ « nhất tâm nguyệt vì thương hải nguyệt, nhất tâm nguyện tác linh đầu vân » 一心願為滄海月, 一心願作嶺頭雲. Nghĩa là : một lòng mong làm trăng bẻ cả, một lòng mong làm mây đầu non. Có bản chép : Lòng theo trăng núi...

(2) Tất-giao 漆膠 : Sơn keo.

(3) Quế-yên : bởi chữ Yên sơn ngũ quế 燕山五桂. Đậu Vũ Xung đời Tống hiệu là Yên-sơn, sinh năm con trai đều phát-đạt. người ta khen vì với 5 chồi quế. Đây nói về sinh con trai.

Chân Nhi (1) rơi chút dầu tiên,
Một mai dành để dãi truyền thi thư (2).
Sinh càng chăm-chút sớm trưa,
Cá mong rẽ sóng, rồng chờ tung mây (3)

GIÁNG KIỀU KHUYÊN
CHỒNG TÔNG TIÊN

Đường trời chưa mỗi cánh bay, (4)
Thung-dung nằng lại giải-bảy một hai.
Rằng : « Coi cho thấu sự đời,
580.— « Giâm danh khóa lợi những người thế-
gian (5),
« Trời thu mây hợp, lại tan,
« Ngày xuân hoa nở, hoa tàn mấy lăm.
Gấm trong tám, chín, mười năm,
Bóng câu cửa sổ (6) dễ cầm mãi ru !
Thịt xương gửi đám Diêm-phù (7),

(1) *Chân Nhi 珍兒* : Tên đứa con trai Giáng Kiều mới sinh. Chân Nhi nghĩa đen là đứa trẻ quý-báu.

(2) *Thi thư 詩書* : Tên hai kinh trong 6 kinh, người ta quen dùng hai chữ ấy để chỉ vào con nhà nho-học.

(3) Câu này nói có ý mong-mỏi theo dõi bay-nhảy về hội công-danh.

(4) Có bản chép : *Đường trời vừa mỗi cánh bay.*

(5) *Giâm danh khóa lợi* : do chữ danh cương lợi tỏa 名利鎖, ý nói người ta bị danh-lợi buộc khóa làm mất tự-do.

(6) *Bóng câu cửa sổ* : do câu bạch câu quá khách 白駒過隙, bóng mặt trời (nhanh như ngựa chạy) qua cửa sổ, ý nói thì giờ nhanh-chóng, vụt cái đã hết, chẳng được bao lâu.

(7) *Diêm-phù 閻浮* : nơi Diêm-la địa phủ, câu này có bản chép : « nỡ-niềm nghĩ đến mà lo ».

« Sinh sinh hóa hóa trong lò hồng-quần (1).

« Đố ai vượt khỏi lòng trần,

« Sông mê chìm-nổi, thế-nhân đã đầy. (2)

« Anh-hùng những mặt xưa nay,

590.— Trăm năm nát với cỏ-cây cũng là.

« Lần lần tháng trọn ngày qua,

« Má hồng mấy chốc đã ra bạc đầu.

« Thôn-hoang mấy năm cỏ khấu (3).

« Ấy nền Đồng-tước (4), hay lầu Nhạc-dương (5).

« Chưa đầy một cuộc tang-thương,

« Non đồng cũng lở, núi vàng cũng nghiêng.

« Sao bằng ngày tháng cung liên,

« Vui chung tám cõi, xuân riêng bốn mùa.

(1) *Hồng-quần* 鈞洪 : Nghĩa đen là cái vòng lớn, trở vào sự luân-hoàn xoay-chuyển của tạo-hóa (trời). Câu này ý nói không tránh khỏi trời !

(2) Có bản chép : *Mê sông đắm bề...*

(3) *Cỏ khấu* : bởi câu thơ « hiền ngu thiên tải tri thủy thị, mẫn nhơn bằng cảo thổ nhất khấu 賢愚千載知誰是, 滿眼蓬蒿土一邱. Nghĩa là người hiền kẻ ngu ngàn năm trước biết ai hay dở, đầy mắt một nắm đất toàn những lau-lách. Đại ý cũng như câu Cung-oán : « Trăm năm còn có gì đâu, chẳng qua một nắm cỏ khấu xanh rì ».

(4) *Đồng-tước* 銅雀 : Tên một cái đài của Tào Tháo đời Tam-quốc bên Tàu, rất tráng-lệ nguy-nga dùng làm nơi đường-lão. Di-tích ở tỉnh Hà-nam.

(5) *Nhạc-dương* 陽岳 : Tên một cái lầu do Trương Duyệt đời Đường dựng nên, Đẳng tử Kinh đời Tống sửa lại Phạm trọng Yên làm bài ký. Di-tích ở tỉnh Hồ-nam bên Tàu cảnh trí rất đẹp.

- « Đọc ngang bốn bề năm hồ (1),
600.—« Khắp trong ba cõi chín châu mặc dầu (2).
« Ra vào kim-khuyết quỳnh-lâu (3),
« Treo tranh yên-thủy (4), giắt bầu kiền-khôn (5).
« Đi về tuyết điểm hoa thôn (6),
« Thông rền nhịp phách, suốt tuôn ngón đàn.
« Một ngày trong thú thanh-nhàn,
« Mấy trăm muôn cảnh nhân-hoàn độ sao !
« Khuyên chàng sớm nghĩ lấy nao,
« Gà lồng, hạc nội, bên nào là hơn ? » (7).

NGHE GIẢNG KIỀU THUYẾT
VỀ TIÊN ĐẠO TỬ UYÊN
TĨNH - NGỘ DẦN

- Mảnh riêng sinh ươm bồng-hoàng,
610.— Tuy say cõi tĩnh, chưa tan lòng phàm (8).

(1) Bốn bề năm hồ : do chữ tứ hải ngũ hồ 四海五湖.

(2) Ba cõi chín châu : do chữ tam giới cửu châu 三界九州.

(3) Kim-khuyết quỳnh-lâu 金闕瓊樓 : Cửa vàng lầu ngọc.

(4) Yên-thủy 煙水 : Khói, nước.

(5) Kiền-khôn 乾坤 : Trời đất.

(6) Tuyết điểm hoa thôn 雪店花村 : Điểm tuyết xóm hoa.

(7) Gà lồng cũng như chim lồng : do chữ lung điều 籠鳥. Hạc nội do chữ dã hạc 野鶴. Ý nói chim trong lồng — kẻ bị danh-lợi ràng-buộc — sao bằng hạc ngoài nội — người có tiên-cách tự do.

(8) Cõi tĩnh : bởi chữ tĩnh-giới 淨界, cõi thanh tĩnh, cõi tiên. Lòng phàm : do chữ phàm tâm 凡心, lòng phàm-tục.

Trót xưa túi sách con gươm (1),
Vita Sào, Hứa (2), ai làm Y, Chu ? (3)
Thưa rằng : « Đã tiếng trượng-phu (4),
« Sự đời vinh-nhục chỉ cho bạn lòng.
« Vi ham nghìn tứ, muôn chung (5),
« Con chim bay mãi cũng trong khuôn trời.
« Làm chi cho bạn tiên cười,
« Ai vui viên-hạc, ai vui yên-bà (6),
« Vần-vơ trong đám phồn-hoa,
620.— « Ba mươi-sáu động ai là chủ-nhân ? »
Sinh nghe tỉnh chuyện tiên-nhân (7),
Rửa dần bụi tục, tỏ dần lối mê. (8)

(1) *Túi sách con gươm* : do chữ thư-kiểm 書劍, biểu-hiệu của nam-giới. Câu này ý nói đã trót sinh ra làm kiếp trai.

(2) *Sào Phả* 巢父, *Hứa Do* 許由 : Hai bậc ần-giả cao đạo, không màng gì đến cuộc đời.

(3) *Y Doãn* 伊尹 *Chu Công* 周公 : một làm tướng nhà Thương, một làm tướng nhà Chu, hết sức gánh-vác việc nước.

(4) *Trượng-phu* 丈夫 : Đàn-ông tài-giỏi.

(5) *Nghìn tứ muôn chung* : Bởi chữ thiên tứ vạn chung 千驷萬鍾, nói về hạng quan tư phú-quí có hàng nghìn ngựa tứ, muôn chung lương. Nguyên ngày xưa bên Tàu cứ mỗi cỗ xe đóng bốn ngựa kéo gọi là tứ, nghìn tứ tức là nghìn cỗ xe. Mỗi một chung đựng được sáu hộc đấu thóc lương, muôn chung tức là muôn lần số thóc ấy, đủ biết một số lương to và tất phải là quan to.

(6) *Viên hạc* 猿 : vượn, *hạc* 鶴 : chim hạc, *yên bà* 煙霞 : khói, *hà* 霞 : rặng, là những cảnh vật vui thú của tiên-nhân.

(7) *Tiên-nhân* 前因 : Nguyên-nhân từ trước.

(8) Có bản chép : ngán thay cõi tục tỏ dần phép tiên.

Rằng : « Xưa Hoàng Đế, An Kỳ (1).
« Nào phương thoát-hóa tu-từ sao đây ? »
Nàng rằng : « Tiên-đạo nhiệm thay,
« Kiền, Tùng (2) xưa cũng thế này chứ sao !
« Và chàng dự bậc thanh-tao,
« Mà xem trong sổ Tiên-tào có tên (3),
« Học sao cho hết chân truyền (4),
630.— « Tu sao cho hết tinh-huyền (5) thì tu. »

SAU KHI TRAO NHẬN
TIỀN - PHÙ HAI NGƯỜI
CÙNG CỠ HẠC LÊN TIÊN

Tay trao một đạo tiên-phù (6),
Một phương hỏa-tảo, một lô kim-dan (7).

(1) Hoàng Đế 黃帝 : Hủy là Hiên Viên 軒轅 một ông vua phát-minh nghề thuốc. An Kỳ tức An Kỳ Sinh 安期生 Tiên-nhân bán thuốc ngoài bề.

(2) Kiền tức là Vương tử Kiền 王子喬, Tùng tức Xích Tùng Tử 赤松子 : Hai nhà học đạo tu tiên trường thọ

(3) Tiên-tào 仙曹 : Bộ tiên của thiên-tào 天曹.

(4) Chân-truyền 真傳 : Truyền trao được đến nơi đến chốn.

(5) Tinh-huyền 精玄 : Tinh-vi, huyền-diệu, nói về tiên-đạo rất nhiệm-mầu.

(6) Tiên-phù 仙符 : Bùa tiên.

(7) Hỏa-tảo 火藥, kim dan 金丹 : đều là tên những vị thuốc tiên.

Đường tu sẵn cách khảo bàn (1),
Rượu sen thăm giọng, trà lan thơm lòng.
Lần theo gió liễu, trăng đồng (2),
Thân phàm như chấp cánh lông nhẹ-nhàng.
Đương khi lốt trắng diễm vàng,
Tỉnh say Vương-mẫu, mơ-màng Lão-quân (3).
Mây đưa năm sắc tường-vân,
640.— Hạc đầu đôi chiếc trước sân đón người.
Dang tay cười hạc cả cười,
Nhũ Chân Nhi lại nói lời thề xưa :
« Còn kỳ dậy gió tuôn mưa,
« Mai sau gặp-gỡ bấy giờ sẽ hay ! »
Nói rồi thẳng rẽ đường mây,
Trông theo cánh hạc về tây (4) tuyết vời.

(1) *Khảo bàn* 考槃 : do câu « Khảo bàn tại giản 考槃在澗 », (trong Kinh Thi) gỗ cái mâm gỗ ở nơi khe suối. Tượng-trưng về người ăn-dật thanh nhàn.

(2) *Gió liễu trăng đồng* : Gió cây liễu 柳, trăng cây đồng 桐, do câu thơ « Nguyệt đảo ngô-dồng thượng, phong suy dương liễu biên ». 月到梧桐上 風吹楊柳邊. Trăng soi trên cây ngô-dồng, gió thổi bên cây dương-liễu.

(3) *Vương-mẫu* : tức Tây Vương mẫu 西王母 một chúa tiên ở Giao-tri 瑤池. *Lão-quân* : tức Thái-Thượng lão-quân 太上老君, ông tổ về đạo Lão. — đạo thần tiên.

(4) *Cánh hạc* : Bờ chữ hạc-vũ 鶴驢; tây : bờ chữ tây phương cực lạc thế-giới 西月極樂世界 phương tây là cõi đời cực vui. Đây nói vợ chồng Tú Uyên cõi hạc bay về phương tây là cõi thần tiên vui-vẻ xa-xăm.

BÍCH - CẦU KỲ NGỘ

Bồng-lai riêng một bầu trời (1),
Màn hoa, cầu đá mấy nơi thiên thành (2).

= CHUNG =

(1) *Bồng-lai* : Một ngọn núi tiên trong ba ngọn. Theo Sử ký : Trong hồ Bột-hải 勃海 có 3 ngọn núi tiên là Bồng-lai 蓬萊, Phương trượng 方丈 và Doanh-châu 瀛洲, xưa nay chưa ai tới, chỉ có người tiên và thuốc bất tử ở đó, các giống chim muông đều trắng, cung-điện thì đều bằng vàng đỏ bạc trắng 黃金白銀. Bây giờ ở bên Tàu có huyện Bồng-lai thuộc tỉnh Sơn-đông 山東,

(2) *Thiên thành* 天成 : do trời làm thành ra, nghĩa là tự-nhiên mà thành. Có bản chép thêm hai câu sau để làm câu kết :

Rừng tiên hay lục ở mình,
Nghìn thu hỏi khác chung tình là ai ?

